

Số: 01 /2024/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, mức bồi dưỡng, mức trợ cấp và các mức chi khác cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Xét Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng, và các khoản chi khác cho người tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 119/BC-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung trình Kỳ họp thứ mười chín, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, mức bồi dưỡng, mức trợ cấp và các mức chi khác cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.
2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

Mỗi xóm, tổ dân phố thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự với số lượng thành viên từ 03 đến 04 người, gồm Tổ trưởng, Tổ phó và Tổ viên, cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Xóm có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên	Xóm, tổ dân phố còn lại
1	Tổ trưởng	1	1
2	Tổ phó	1	1
3	Tổ viên	2	1

Điều 4. Mức hỗ trợ, mức bồi dưỡng, mức trợ cấp và các mức chi khác cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng (đồng/người/tháng):

TT	Chức danh	Xóm có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên	Xóm, tổ dân phố còn lại
1	Tổ trưởng	1.350.000	1.250.000
2	Tổ phó	1.250.000	1.150.000
3	Tổ viên	1.150.000	1.050.000

2. Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế hằng tháng:

a) Ngoài mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hằng tháng theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện, người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thì được hỗ trợ 15% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn.

b) Hỗ trợ 100% kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo mức đóng bảo hiểm y tế hộ gia đình khi tham gia bảo hiểm y tế.

3. Khi làm nhiệm vụ tại những nơi thuộc khu vực miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc tại đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng được hưởng mức tiền bồi dưỡng ngày công lao động tăng thêm 20.000 đồng/người/ngày; số ngày công lao động tăng thêm tối đa không quá 05 ngày/người/tháng.

4. Khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ, khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động theo quyết định triệu tập của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn được hưởng mức tiền bồi dưỡng tối đa 100.000 đồng/người/ngày và không quá 63 ngày/người/năm.

5. Chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ:

a) Trường hợp bị tai nạn: Trong thời gian điều trị tai nạn thì được hưởng chi phí khám, chữa bệnh theo mức quy định của Bảo hiểm y tế mà đối tượng đã tham gia và hỗ trợ tiền ăn 100.000 đồng/người/ngày trong thời gian điều trị nội trú cho đến khi ổn định sức khỏe ra viện; nếu tai nạn làm suy giảm khả năng lao động đến 5% thì được hưởng mức trợ cấp một lần là 7.450.000 đồng, sau đó cứ suy giảm tăng thêm 1% thì được hưởng thêm 745.000 đồng.

b) Trường hợp bị tai nạn dẫn đến chết: Thân nhân được trợ cấp tiền tuất bằng 53.640.000 đồng; tiền mai táng phí bằng 14.900.000 đồng.

6. Hỗ trợ kinh phí mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị bảo đảm điều kiện hoạt động cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Danh mục phương tiện, thiết bị được hỗ trợ mua sắm thực hiện theo khoản 1 Điều 4 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết

một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở (sau đây viết tắt là Nghị định số 40/2024/NĐ-CP); mức hỗ trợ mua sắm lần đầu 3.000.000 đồng/tổ; hằng năm căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách hỗ trợ mua sắm, sửa chữa theo quy định.

7. Chi cho công tác tập huấn, diễn tập, hội thi do địa phương tổ chức; sơ kết, tổng kết, tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng và các khoản chi khác cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo quy định của pháp luật: Thực hiện theo các quy định về chế độ công tác phí, hội nghị, hội thi, thi đua, khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Chi trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở:

a) Danh mục, tiêu chuẩn và việc mua sắm để trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở lần đầu thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP và các quy định của pháp luật hiện hành.

b) Danh mục, tiêu chuẩn và việc mua sắm để trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở những năm tiếp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Quy định về kiêm nhiệm các chức danh Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Người hoạt động không chuyên trách ở xóm, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở xóm, tổ dân phố được kiêm nhiệm các chức danh Tổ bảo vệ an ninh, trật tự. Hồ sơ, trình tự, thủ tục tuyển chọn để thực hiện kiêm nhiệm được thực hiện theo quy định của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

2. Trường hợp người thực hiện kiêm nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này mà giảm được 01 người theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này thì được hưởng mức hỗ trợ, mức bồi dưỡng, mức trợ cấp và các mức chi khác kiêm nhiệm bằng 100% mức hỗ trợ, mức bồi dưỡng, mức trợ cấp và các mức chi khác quy định của chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ, mức bồi dưỡng, mức trợ cấp và các mức chi khác kiêm nhiệm cao nhất.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí đảm bảo thực hiện Nghị quyết này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, quy định về phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chỉ được quy định tại Điều 4 Nghị quyết này trừ các nhiệm vụ chỉ quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Ngân sách huyện, thành phố đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chỉ được quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết này và các nhiệm vụ do cấp huyện, cấp xã tổ chức quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và thay thế Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định số lượng, mức phụ cấp đối với lực lượng Công an xã bán chuyên trách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng đối với các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Bãi bỏ một số nội dung của Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xóm, tổ dân phố; số lượng, mức phụ cấp, mức hỗ trợ, mức chi bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên như sau:

a) Bãi bỏ nội dung thứ tự số 1 và thứ tự số 20 của biểu tại khoản 1 Điều 3 và điểm b khoản 2 Điều 3.

b) Bỏ cụm từ “Tổ trưởng, Phó Tổ trưởng, Tổ viên tổ Bảo vệ dân phố” tại khoản 1 Điều 5.

c) Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 5.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười chín thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Công an (Báo cáo);
- Bộ Nội vụ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên; Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn